

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HS-ST
Ngày: 29-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Hữu Thỏa.

2. Ông Đậu Cao Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022. Phiên tòa được xét xử theo hình thức trực tuyến. Điểm cầu chính: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Điểm cầu thành phần: tại Trại giam Công an tỉnh Nghệ An. Hỗ trợ tại điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An: Ông Nguyễn Văn Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn T** (tên gọi khác: không); sinh năm: 1985 tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; quê quán: xóm 4, xã Thọ Sơn, huyện Tr S, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm Chuông Bắp, xã X H, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn H và con bà: Lê Thị B; vợ: Bùi Thị Ph và 02, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009 (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị bắt theo quyết định truy nã số 56 ngày 10/3/2021, tạm giữ, tạm giam: từ ngày 24/12/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH Cơ khí – Thương mại LDA. Địa chỉ: số 80/39 khu phố 3, đường số 4, phường Tam Phú, quận ThĐ, thành phố Hồ Chí Minh. Đại

diện theo pháp luật ông Lê Văn H, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1981. Vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1991. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: xóm 4, xã Qu T, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T là Giám đốc Công ty TNHH TMDV Vận tải và Xây dựng NgT. Ngày 25/4/2020, Công ty TNHH Cơ khí – Thương mại LDA thuê Công ty TNHH TMDV Vận tải và Xây dựng NgT vận chuyển lô hàng gồm 01 (một) máy tiện TAKISAWA kèm theo máy là mâm cặp, vấu mâm cặp, dụng cụ siết mâm cặp, mũi chống tâm, máy biến áp Fuji Koya loại 30KVA; 01 (một) máy tiện CHUBU đi kèm theo thiết bị máy: mâm cặp, vấu mâm cặp, dụng cụ siết mâm cặp, mũi chống tâm, máy biến áp nhãn hiệu Fuji Koya công suất 60KVA; 01 (một) máy phay KURAKI kèm máy là máy biến áp 03 pha Fuji Koya 50KVA (không bao gồm các đầu PT + cán dao và mũi dao gọt), từ thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đến công ty cổ phần gang thép Nghi Sơn - khu liên hợp Gang thép Nghi Sơn - khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 01/2020/HĐVC/NT-LDA). Ngày 15/7/2020, T nhận hàng đầy đủ. Số hàng vận chuyển được để trên 02 xe. Xe chở 01 (một) máy phay KURAKI và 01 (một) máy tiện TAKISAWA đi trước, giao hàng đúng hẹn cho công ty cổ phần gang thép Nghi Sơn. T đi sau cùng xe chở 01 (một) máy tiện CHUBU, máy biến áp. Do không có tiền để trả tiền cước thuê vận chuyển hàng hóa nên T gọi điện thoại cho anh Phạm Anh T1 trao đổi cầm cố một số máy móc để vay mượn tiền. Anh T1 và vợ (chị Đặng Thị Th) đến khu vực ngã ba Yên Lý, xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An gặp T và xem máy, khi gặp chị Th hỏi “máy của ai”, T trả lời “máy của công ty”. Sau khi suy nghĩ, tính toán, chị Th đồng ý, đưa cho T vay số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng). T vận chuyển 01 (một) máy tiện CHUBU đi kèm máy là máy biến áp 3 pha Fujukoya 60 KVA, máy biến áp 3 pha Fujukoya 50 KVA, máy biến áp 3 pha Fujukoya 30 KVA về nhà anh T1 chị Th. Sau đó, T tiếp tục đến gặp và lấy từ vợ chồng anh T1, chị Th số tiền 62.000.000đ (sáu mươi hai triệu đồng). Công ty cổ phần gang thép Nghi Sơn không nhận được đầy đủ các hàng hóa nên có ý kiến với Công ty TNHH Cơ khí – Thương mại LDA. Anh Lê Văn H - Giám đốc Công ty TNHH Cơ khí – Thương

mại LDA liên lạc với T. T nói với anh H là số lượng máy móc đang trên đường vận chuyển theo hợp đồng. Sau nhiều lần nói dối nhưng không có máy móc để giao nên T thừa nhận, bản thân đã tự ý đưa một số máy móc đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 25/9/2020, anh H đã làm đơn tố cáo Bùi Văn T. Ngày 24/12/2021, T bị bắt theo Quyết định truy nã bị can.

Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu tiến hành thu giữ: 01 (một) máy tiện CHUBU kèm theo thiết bị máy và máy biến áp 3 pha Fujikoya 60KVA, 01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya 30KVA, 01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya tại nhà anh Phạm Anh T1 và chị Đặng Thị Th.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 320/KLĐGTS ngày 05/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, kết luận:

01 (một) máy tiện CHUBU có sơn màu xanh, đường kính da công D700, chiều dài da công chống tâm L=1500, kích thước bao máy khoảng (4,5x2,5x2,2)m, kèm theo thiết bị máy: mâm cặp, vấu mâm cặp, dụng cụ siết mâm cặp, đi kèm theo máy là máy biến áp 3 pha Fujikoya 60KVA, mặt trước sơn màu trắng có đồng hồ Vontage, phủ xung quanh sơn màu ghi, kích thước khoảng (60x50x70)cm tính cả bánh xe (máy đã qua sử dụng), máy thiếu mũi chống tâm, có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt 415.300.000đ (bốn trăm mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya 30KVA mặt trước sơn màu trắng có đồng hồ Vontage, phủ xung quanh sơn màu ghi, kích thước khoảng (45x45x60)cm tính cả bánh xe (máy đã qua sử dụng), có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt 13.500.000đ (mười ba triệu năm nghìn đồng).

01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya 50KVA mặt trước sơn màu trắng có đồng hồ Vontage, phủ xung quanh sơn màu ghi, kích thước khoảng (60x45x60)cm tính cả bánh xe (máy đã qua sử dụng), có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị: 444.300.000đ (bốn trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKS-QL ngày 07/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 08-09 năm tù.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bùi Văn Tám trả lại cho anh Phạm Anh T1 và chị Đặng Thị Th số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: chỉ vì một phút nông nổi nay bị cáo phải trả giá cho lỗi lầm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Đặng Thị Th trình bày: chị yêu cầu bị cáo trả lại cho vợ chồng chị số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu) bị cáo vay trước đây chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T khai nhận: Bị cáo là giám đốc Công ty TNHH TMDV Vận tải và Xây dựng Ng T. Ngày 22/4/2020, bị cáo ký Hợp đồng vận chuyển hàng hóa với Công ty TNHH Cơ khí & Thương Mại LDA từ Bình Dương đến Nghi Sơn – Thanh Hóa. Trong quá trình vận chuyển do thiếu tiền trả tiền công vận chuyển và chi tiêu, nên bị cáo đã cầm 01 (một) máy tiện CHUBU kèm theo thiết bị máy và máy biến áp 3 pha Fujikoya 60KVA, 01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya 30KVA, 01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya 50KVA cho vợ chồng anh Phạm Anh T1 và chị Đặng Thị Th để vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo

nhận được tài sản trị giá 444.300.000đ (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm nghìn đồng) của công ty TNHH Cơ khí & Thương Mại LDA bằng hợp đồng vận chuyển, và đã sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi vô ý. Như vậy, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của người khác nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian dài mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xử phạt bị cáo với mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Hình phạt bổ sung: khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.” Xét bị cáo sau khi phạm tội, công việc không có, lao động tự do, hình phạt chính áp dụng là hình phạt tù, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Biện pháp tư pháp: Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu đã trả lại: 01 (một) máy tiện CHUBU kèm theo thiết bị máy và máy biến áp 3 pha Fujikoya 60KVA, 01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya 30KVA, 01 (một) máy biến áp 3 pha Fujikoya 50KVA cho Công ty TNHH Cơ khí & Thương Mại LDA.

[6] Trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH Cơ khí & Thương Mại LDA đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự. Trong quá trình điều tra anh Phạm Anh T1 và chị Đặng Thị Th yêu cầu bị cáo trả lại cho anh chị số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Tại phiên tòa, chị Th chỉ yêu cầu bị cáo trả lại cho vợ chồng chị số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu) bị cáo vay trước đây chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Xét yêu cầu của chị Th là có căn cứ nên áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bùi Văn T trả lại cho anh Phạm Anh T1 và chị Đặng Thị Th số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

[7] Về những vấn đề khác: anh Phạm Anh T1 và chị Đặng Thị Th nhận cầm cầm tài sản của bị cáo, nhưng không hỏi rõ nguồn gốc tài sản, nên không bị xử lý hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T 08 (tám) năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2021).

2. Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bùi Văn T trả lại số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho anh Phạm Anh T1 và chị Đặng Thị Th.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CA huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHA Dân sự huyện Quỳnh Lưu;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã X H (để biết);
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến